

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày tháng 8 năm 2021

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 18/8 đến ngày 24/8/2021)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tuần trời nắng nóng, có mưa rào. Lượng mưa đo được tại Vinh Yên 10 mm (thấp hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 30,6⁰C (cao hơn CKNT), cao nhất 36⁰C, thấp nhất 25⁰C.

Âm độ trung bình 74 - 91% (cao hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 60 - 65 giờ (cao hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ mùa 2021 là: 31.437,3 ha, trong đó:

- Lúa mùa: 23.801,9 ha (trỗ - chín).
- Ngô: 1.631,5 ha (thâm râu - chắc hạt).
- Đậu tương: 144,4 ha (quả non).
- Lạc: 413,9 ha (củ non).
- Khoai lang: 152,6 ha (củ).
- Rau: 2.638,9 ha (các giai đoạn).
- Cây khác: 3.209,6 ha (các giai đoạn).

Thời tiết trong tuần trời nắng nóng, có lúc có mưa rào. Cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sinh vật gây hại nhẹ.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bầy đên (con/đền/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,69 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Lập Thạch); Rầy nâu 1,5 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 6 con (Lập Thạch); Rầy lưng trắng 0,4 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 5 con (Sông Lô); Rầy xanh đuôi đen 0,3 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Tam Dương, Sông Lô, Lập Thạch); Sâu cuốn lá nhỏ 0,71 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Sông Lô, Bình Xuyên).

1. Trên cây lúa

- Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 1, 2, 3, 4, 5) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 1 – 2 con/m², cao 5 - 10 con/m², cục bộ 20 con/m² (Yên Lạc, Bình Xuyên).

- Sâu đục thân 2 chấu lúa 4 (tuổi 1, 2, 3) gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại, bông bạc phổ biến 0,3 – 0,6%, cao 2 - 3%, cục bộ 5% (Lập Thạch).

- Rầy nâu (tuổi 2, 3, 4) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 50 - 90 con/m², cao 100 - 200 con/m², cục bộ 400 - 500 con/m² (Sông Lô, Tam Đảo).

- Bệnh khô vằn gây hại rải rác tỷ lệ danh hại phổ biến 5 - 8%, cao từ 20 - 30%, cục bộ 50% (Bình Xuyên).

- Chuột gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,5 - 1%, cao từ 3 - 5%, cục bộ 7% (Bình Xuyên).

- Bệnh bạc lá gây hại rải rác, tỷ lệ lá hại phổ biến 1 - 3%, cao 10 - 15%, cục bộ 20 % (Bình Xuyên, Sông Lô, Yên Lạc).

- Đốm sọc vi khuẩn gây hại rải rác tỷ lệ lá hại phổ biến 1 - 2%, cao 8 - 10%, cục bộ 20% (Yên Lạc)

Ngoài ra sâu đục thân 5 vạch cú mèo, bọ xít dài gây hại rải rác.

2. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại nhẹ, mật độ phổ biến 0,1 - 0,7 con/m², cao 1 - 4 con/m² (Yên Lạc, Vĩnh Tường).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại rải rác, mật độ phổ biến 1 - 1,5 con/m², cao 2 - 5 con/m² (Phúc Yên).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bọ xít, bệnh sương mai, bệnh thán thư gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại nhẹ.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 25/8 - 31/8/2021

1. Cây lúa

Trưởng thành sâu đục thân lúa 4, sâu cuốn lá nhỏ lúa 6 tiếp tục gây hại; bệnh khô vằn, bạc lá, đốm sọc vi khuẩn tiếp tục gây hại. Dự báo, sâu non gây hại các trà lúa mùa từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 9, cần chú ý theo dõi để kịp thời phòng trừ. Chuột gây hại nhẹ - trung bình những diện tích lúa gần kênh, mương, ven đường đi và gần khu dân cư.

2. Cây rau, màu

- Trên cây cà chua, dưa chuột: Bệnh héo xanh, sương mai, giả sương mai, phấn trắng phát sinh gây hại rải rác.

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, sâu tơ tiếp tục gây hại nhẹ (Phúc Yên).

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại cục bộ (Vĩnh Tường).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bọ xít, bệnh sương mai, bệnh thán thư gây hại nhẹ

- Cây xoài: Bệnh thán thư hại nhẹ.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Đề nghị các huyện, thành phố tiếp tục thăm đồng thường xuyên, kiểm tra đồng ruộng, nắm chắc diện tích lúa bị nhiễm các đối tượng sâu bệnh hại chủ yếu về mật độ, tỷ lệ hại, quy mô và địa bàn xuất hiện để chỉ đạo phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

2. Đảm bảo nước tưới và chăm sóc tốt cây rau, màu. Khi có sinh vật gây hại vượt ngưỡng cần khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, thảo mộc để phun phòng chống đảm bảo an toàn cho người sử dụng, ít ảnh hưởng đến môi trường.

3. Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân tích cực áp dụng các biện pháp IPM, SRI, VietGAP để cây trồng sinh trưởng, phát triển khỏe, chống chịu tốt với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận và sinh vật gây hại, đây là tiền đề cho năng suất cao.

4. Thực hiện thường xuyên các biện pháp thủ công: Ngắt ổ trứng sâu đục thân, bẫy bắt chuột khi chúng có mật độ thấp để hạn chế lây lan ra diện rộng. Chỉ phun phòng trừ các sinh vật gây hại khi có mật độ, tỷ lệ hại đến ngưỡng phòng trừ bằng thuốc đặc hiệu như: Sâu đục thân, sâu cuốn lá dùng: Virtako 40WG, Patox 95SP, Nicata 95SP, Marshal 200SC,...; bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn dùng: Xanthomix 20WP, Ychatot 900SP, Avalon 8WP, Kasumin 2L, Totan 200 WP...Đối với sâu keo mùa thu trên ngô dùng: Bitadin WP, Angun 5WG, Emaben 3,6WG, Proclaim® 5WG, Lufen extra 100EC,...

5. Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 18/8 - 24/8/2021), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG THỐNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
(Từ ngày 18/8/21 đến ngày 24/8/2021)

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Cây lúa	Làm đồng - trổ - chắc xanh	Sâu cuốn lá nhỏ	Con/m ²	10			1	1				-60	1	Rải rác
		Sâu đục thân 2 chấm	%DH	3,4			62,5	62,5				-72,5	95,5	Rải rác
		Bệnh khô vằn	%DH	13,9	27,1	50	1420	1130	235	55		-329	1460	Rải rác
		Đóm sọc VK	%LH	15			3,3	3,3				-130,7	3,3	Rải rác
		Bạc lá	%LH	16	32		16,4	15,4	1			+11,6	19,2	Rải rác
		Chuột	%DH	3,4	6,5		73	68	5			-5	58	Rải rác
Cây Ngô	Mới gieo	Sâu keo mùa thu	Con/m ²	2			3	3				+3	3	Cục bộ
Tổng DT nhiễm SB							1579,2	1283,2	241	55			1640	

Ghi chú:GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: KS.Triệu Thị Ngọc Duyên.

